

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thuật;

Ông Vũ Minh Đón.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận – Thư ký TAND huyện Yên Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên VKSND huyện Yên Mỹ.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/HSST – QĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Luyện Văn C.** Sinh năm: 1980. Sinh trú quán: thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Luyện Văn K, ông K được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng; Huân chương kháng chiến hạng ba và kỷ niệm chương đã có thành tích tham gia chiến đấu tại Mặt trận đường 9 - Quảng trị -B5. Con bà: Luyện Thị M. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Trần Thị T. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn Đ.** Sinh năm: 1982. Quê quán: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Lê Văn V và bà Luyện Thị L. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị H. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Bùi Tuấn A.** Sinh năm: 1974. HKTT và nơi cư trú: 4/12 Nguyễn Du, khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh L. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị V. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Vũ Thị H. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Ngô Xuân T.** Sinh năm: 1972. HKTT và cư trú: 28C ngõ 1 Lê Đại Hành, phường V, thành phố L, tỉnh L. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Ngô Duy Đ và bà Ngô Thị S. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ Hoàng Kim X. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Văn H1.** Sinh năm: 1986. Sinh trú quán: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Lê Văn V và bà Luyện Thị L. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị A. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Đức H.** Sinh năm: 1973. Sinh trú quán: thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị X. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ Hoàng Thị T. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Văn C.** Sinh năm: 1985. Sinh trú quán: thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Văn T1. Ông T được tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy. Con bà: Đinh Thị N. Bà N được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Vợ Nguyễn Thị T. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Văn H2**. Sinh năm: 1988. Sinh trú quán: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lê Văn V và bà Luyện Thị L. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ Hoàng Thị Đ. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9. **Nguyễn Văn T1**. Sinh năm: 1970. Sinh trú quán: thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Nguyễn Văn T1. Ông T được tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy. Con bà Đình Thị N. Bà N được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ Nguyễn Thị B. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Luyện Văn Đ2, sinh năm: 1983; (Có mặt)

2. Anh Luyện Văn T, sinh năm: 1991; (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh Luyện Văn H, sinh năm: 1988; (Vắng mặt)

4. Ông Luyện Văn T2, sinh năm: 1962; (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

5. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1990; (Có mặt)

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1977; (Vắng mặt)

7. Ông Vũ Văn H, sinh năm: 1964; (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

8. Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1957; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

9. Anh Đặng Xuân T4, sinh năm: 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

10. Anh Kiều Văn H, sinh năm: 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Anh Lê Văn V, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn Đ.

Những người làm chứng đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 12/01/2020, tại nhà Nguyễn Văn T1, Công an huyện Y bắt quả tang một số đối tượng có hành vi đánh bạc gồm: Ngô Xuân T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H, Luyện Văn C, Lê Văn H, Lê Văn Đ và Bùi Tuấn A, Vũ Văn H, Nguyễn Văn D, Luyện Văn T2, Phạm Văn M và Nguyễn Văn T1. Cụ thể:

Nhóm đối tượng chơi đánh liêng gồm: Ngô Xuân T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H, Luyện Văn C, Lê Văn H, Lê Văn H2, Lê Văn Đ và Bùi Tuấn A. Vật chứng thu giữ: Tại vị trí các đối tượng đánh liêng số tiền 9.780.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Nhóm đối tượng chơi đánh chắn gồm: Vũ Văn H, Nguyễn Văn D, Luyện Văn T2 và Phạm Văn M. Thu tại vị trí các đối tượng đánh chắn số tiền 450.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ màu trắng 18cm.

Ngoài ra còn thu giữ tại vị trí đánh bạc 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được làm bằng quân bài chắn một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 03 tấm vải bạt được trải dưới nền nhà.

Tại vị trí các đối tượng chơi đánh bạc còn có một số người ngồi xem gồm: Luyện Văn Đ2, Luyện Văn T, Kiều Văn H, Lê Văn V và Nguyễn Văn T3.

Thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 203.565.000 đồng (trong đó: Lê Văn H2 50.000 đồng; Ngô Xuân T 4.700.000 đồng; Nguyễn Văn C 5.800.000 đồng; Lê Văn H 2.200.000 đồng; Nguyễn Đức H 1.900.000 đồng; Bùi Tuấn A 3.200.000 đồng; Lê Văn Đ 154.100.000 đồng; Vũ Văn H 3.000.000 đồng; Nguyễn Văn D 14.000.000 đồng; Luyện Văn T2 300.000 đồng; Phạm Văn M 700.000 đồng; Nguyễn Văn T3 9.300.000 đồng; Nguyễn Văn T1 630.000 đồng; Luyện Văn T 385.000 đồng; Kiều Văn H 3.000.000 đồng; Luyện Văn Đ2 300.000 đồng).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y khám xét khẩn cấp chỗ ở của T1 không thu giữ gì.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng 11 giờ ngày 12/01/2020 sau khi ăn cỗ tại nhà Nguyễn Văn T1 xong thì Lê Văn H2, Lê Văn Đ, Lê Văn H và Luyện Văn C cùng rủ nhau chơi đánh bạc, tất cả đồng ý và cùng đi lên trên tầng hai nhà T1, khi lên đến cửa phòng thì thấy nền phòng tầng hai đã trải 03 tấm bạt, phía bên tay phải ở giữa tấm bạt có để sẵn 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã cũ, thấy vậy H2, Đ, H1 và Luyện Văn C cùng rủ nhau chơi đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền, cả 4 người cùng ngồi xuống bạt và chơi đánh liêng. Đ là người cầm bộ bài lên, chia cho mọi người. Quy định chơi: góp gà 20.000 đồng, tố cao nhất không quá 200.000 đồng. Hình thức chơi: sử dụng bộ bài 52 quân từ A đến K, trước khi chia bài các đối tượng chơi đánh bạc bỏ ra giữa vị trí ngồi chơi số tiền 20.000 đồng (gọi là tiền gà), người cầm chương chia đều cho mỗi người 03 quân bài, các quân bài còn lại không sử dụng thì úp xuống rồi những người tham gia chơi bắt đầu tố, người cầm chương được tố trước tức

là đặt thêm vào gà nhưng không được quá 200.000 đồng, sau đó lần lượt đến các người tố sau theo chiều ngược kim đồng hồ, ai theo thì đặt số tiền bằng hoặc cao hơn số tiền người trước tố, ai không theo thì úp bài và bị thua ván đó và không phải trả thêm khoản tiền nào ở ván đó, sau khi mọi người tố xong thì những ai theo sẽ ngửa bài để so bài to nhỏ tìm ra người thắng trong ván, người thắng sẽ được ăn toàn bộ số tiền đặt trong ván; sấp là to nhất kế tiếp đến liêng, sau đó tính điểm cộng của các quân trên bài. Sấp là 03 quân bài cùng hàng, sấp có số to thắng sấp có số nhỏ, to nhất của sấp là 03 quân A (A - A-A)....; liêng là 03 quân bài liền kề nhau theo thứ tự tăng dần về hàng nhưng không quy định phải cùng chất, liêng có số to thắng liêng có số nhỏ, to nhất của liêng là 7- 8- 9; 10-J-Q....; không có sấp và liêng thì người chơi tính điểm bằng cách cộng điểm của ba quân bài và được làm tròn là 10 đồng nghĩa với 0 điểm (ví dụ 7,8,5 = 20 = 0 điểm; 10,J,Q = 0 điểm), lần lượt điểm từ nhỏ đến to là 0, 1, 2.....9, điểm to nhất là 9. Trường hợp trong ván bài có từ hai người trở lên cùng bằng liêng, điểm thì sẽ so chất từ to đến bé là Rô, Cơ, Tép, Bích. Người thắng trong ván bài sẽ thay chương chia bài ván tiếp theo. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H và Đặng Xuân T4 ăn xong thì vào trong nhà ngồi uống nước và cùng rủ nhau chơi đánh chắn, T2 đi ra ngoài hiên nhà hỏi Nguyễn Văn T1 có bộ bài chắn không cho T2 mượn để chơi chắn thì T1 nói có để ở đằng sau tivi, sau đó T1 vào nhà lấy bộ bài chắn đưa cho T2, T1 lại ra tiếp khách. Lúc này T2 mượn của anh Luyện Văn H3 (đang ngồi ăn cỗ) số tiền 500.000 đồng nhưng không nói để đánh bạc. Sau đó T2 cùng M, Vũ Văn H và T4 đi lên tầng hai nhà T1 thấy giữa phòng bạt đã được chải sẵn đã có chiếc đĩa ở đó M, T2, Vũ Văn H và T4 ngồi xuống chơi đánh chắn. Các đối tượng quy định cách chơi: dùng bộ bài chắn 100 quân chia đều cho 4 người mỗi người 19 quân bài, người nào được làm cái đầu tiên thì được 20 quân bài, phần còn lại để vào đĩa làm nọc, tất cả chơi theo hình thức đánh góp hội, mỗi người góp 100.000 đồng một hội. Người đánh đầu tiên được đánh trước 01 quân trên bài cho người bên tay phải mình, nếu không ăn được thì bốc 01 quân bài dưới nọc lên bên tay phải của người tiếp theo, cứ như vậy đánh vòng tròn từ phải sang trái, nếu có người ăn thì người đó phải đánh 01 quân trên bài của mình. Bài ù là bài có đủ 06 chắn trở lên và các quân bài còn lại tròn cạ, “ chắn” là 02 quân bài giống nhau, còn “ cạ” là 02 quân bài không giống nhau nhưng cùng hàng ngang. Mỗi ván chơi, ai ù là người thắng và được lấy tiền trong hội đã góp, số tiền tương ứng với ván ù. Các ván bài tiếp theo thì người nào ù ván trước thì được bắt cái. Mức chơi quy định xuống 20.000đồng, mỗi dịch 10.000đồng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì có Nguyễn Văn C, Bùi Tuấn A, Nguyễn Đức H và một số đối tượng khác không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể đi lên tầng hai cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, lúc này Nguyễn Văn C thấy ở trên cửa sổ tầng hai nhà T1 có bộ bát đĩa và 04 quân vị được cắt từ quân bài chắn một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ liền lấy xuống chơi xóc đĩa cùng Nguyễn Đức H, Tuấn A và một số đối tượng không xác định được tên tuổi địa chỉ tại tám bạt phía bên trái phòng. Các đối tượng chơi đánh xóc đĩa được khoảng 15 phút thì nghỉ không chơi nữa, Nguyễn Đức H, Tuấn A và Nguyễn Văn C chuyển sang chơi đánh liêng cùng Luyện Văn C, H1, Đ. Lúc này Lê Văn H2 buồn ngủ nên nghỉ không chơi đánh liêng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Ngô Xuân T ăn cỗ dưới tầng một xong cũng đi lên tầng hai tham gia chơi đánh liêng cùng với Luyện Văn C, H1, Đ, Nguyễn Văn C, Tuấn A và Nguyễn Đức H. Tại hội

chơi chắn ông T4 nghỉ không chơi nữa thì có Nguyễn Văn D vào chơi thay vị trí của T4 thì các đối tượng chơi chắn quy định mỗi người góp gà 100.000 đồng, ù xuống 60.000 đồng, mỗi dịch 20.000 đồng. Khi các đối tượng đang chơi đánh liêng và đánh chắn thì có một số người lên ngồi xem không tham gia chơi gồm Luyện Văn Đ2, Luyện Văn T, Kiều Văn H, Lê Văn V và Nguyễn Văn T3 (con trai của T1). Quá trình đánh bạc không có ai canh gác, bảo vệ và thu tiền hồ. Các đối tượng chơi đánh bạc đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Ngô Xuân T, Nguyễn Văn C, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Luyện Văn C, Bùi Tuấn A, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Nguyễn Văn T1 và các đối tượng Vũ Văn H, Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Đặng Xuân T4, Nguyễn Văn D đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên với số tiền cụ thể như sau:

Luyện Văn C khai: Khi chơi có 11.880.000 đồng sử dụng hết chơi đánh liêng. Quá trình chơi thua 2.920.000 đồng, phát hiện không thu giữ gì trên người C, số tiền 8.960.000 đồng còn lại để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Lê Văn Đ khai: Khi chơi có 154.500.000 đồng, sử dụng 4.500.000 đồng chơi đánh liêng, còn lại 150.000.000 đồng không sử dụng việc đánh bạc mà dùng để trả tiền thợ xây. Quá trình chơi thắng 20.000 đồng. Khi bị phát hiện thu giữ trên người Đ số tiền 154.100.000 đồng, còn lại 420.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Bùi Tuấn A khai: Khi chơi có 4.000.000 đồng sử dụng hết chơi đánh xóc đĩa. Khi chơi Tuấn Anh hòa tiền và tiếp tục sử dụng số tiền 4.000.000 đồng chơi đánh liêng, quá trình chơi liêng thua 780.000 đồng, khi bị phát hiện thu giữ trên người 3.200.000 đồng, còn 20.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Ngô Xuân T khai: Khi chơi có 3.650.000 đồng sử dụng hết chơi đánh liêng, quá trình chơi thắng 1.070.000 đồng, khi bị phát hiện thu giữ trên người 4.700.000 đồng, còn 20.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ

Lê Văn H khai: Khi chơi có 2.500.000 đồng sử dụng hết chơi đánh liêng, quá trình chơi thắng 20.000 đồng. Khi bị phát hiện thu giữ trên người 2.200.000 đồng, còn lại 320.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Nguyễn Đức H khai: Khi chơi có 2.000.000 đồng, sử dụng hết chơi xóc đĩa, quá trình chơi thua 100.000 đồng. Chuyển chơi đánh liêng sử dụng số tiền 1.900.000 đồng, quá trình chơi liêng thắng 20.000 đồng, khi bị phát hiện thu giữ trên người 1.900.000 đồng, còn 20.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Nguyễn Văn C khai: Khi chơi có 2.600.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng chơi xóc đĩa, còn lại 2.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc mà để mua thuốc chữa bệnh, quá trình chơi xóc đĩa thắng 400.000 đồng. Chuyển chơi đánh liêng C sử dụng 1.000.000 đồng để chơi, quá trình chơi đánh liêng thắng 2.820.000 đồng, khi bị phát hiện thu giữ trên người 5.800.000 đồng, còn 20.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Lê Văn H2 khai: Khi chơi có 300.000 đồng sử dụng hết chơi đánh liêng, quá trình chơi thua 250.000 đồng và ngừng không chơi nữa, khi bị phát hiện thu giữ trên người 50.000 đồng.

Vũ Văn H khai: Khi chơi có 2.600.000 đồng sử dụng hết chơi đánh chắn, quá trình chơi thắng 500.000 đồng. Khi bị phát hiện thu giữ trên người 3.000.000 đồng, còn 100.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Luyện Văn T2 khai: Khi chơi có 800.000 đồng sử dụng hết chơi đánh chắn, quá trình chơi thua 400.000 đồng. Khi bị phát hiện thu giữ trên người 300.000 đồng, còn 100.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Phạm Văn M khai: Khi chơi có 800.000 đồng sử dụng hết chơi đánh chắn, quá trình chơi hòa tiền. Khi bị phát hiện thu giữ trên người 700.000 đồng, còn 100.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Đặng Xuân T4 khai: Khi chơi có 200.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng để chơi đánh chắn và bị thua hết. Còn 100.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc mà để đi taxi về nhà.

Nguyễn Văn D khai: Khi chơi có 14.150.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng để chơi đánh chắn, còn lại 14.000.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc, quá trình chơi hòa tiền. Khi bị phát hiện thu giữ trên người 14.000.000 đồng, còn 150.000 đồng để dưới vị trí đánh bạc bị thu giữ.

Nguyễn Văn T1 khai: Tuần đưa bộ bài chắn cho Luyện Văn T2 để T2 cùng Đặng Xuân T4, Vũ Văn H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn M chơi đánh bạc. Tuần biết các đối tượng đánh bạc trên tầng hai, nhưng không biết các đối tượng chơi hình thức gì, Nguyễn Văn T1 không ngăn cản mà đồng ý để cho mọi người đánh bạc trên tầng hai nhà mình, không thu tiền hồ của người chơi. Bộ bài tú lơ khơ và 04 quân vị không phải của T1. Số tiền 630.000 đồng thu giữ trên người là của T1 không liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết quả điều tra xác định được anh Luyện Văn H3 không biết T2 vay tiền để sử dụng đánh bạc; chị Nguyễn Thị B (vợ của T1) không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên không có căn cứ xử lý. Nguyễn Văn T1 sử dụng nhà ở của mình cho người khác đánh bạc không có mục đích vụ lợi, không rủ rê lôi kéo người khác đánh bạc nên không phạm tội tổ chức đánh bạc, gá bạc.

Quá trình điều tra xác định các đối tượng Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H, Đặng Xuân T4 và Nguyễn Văn D sử dụng tổng số tiền 4.450.000 đồng để đánh chắn. Hành vi của Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H, Đặng Xuân T4 và Nguyễn Văn D chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc nên ngày 05/3/2020, Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H, Đặng Xuân T4 và Nguyễn Văn D về hành vi đánh bạc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 Chính phủ với mức xử phạt mỗi người là 1.500.000 đồng.

Cáo trạng số 39/CT – VKS – YM ngày 09/6/2020, của VKSND huyện Y truy tố các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 đã phạm tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát và điều xin HĐXX cho được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày lời luận tội nêu quan điểm đề nghị HĐXX về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên xử Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 phạm tội Đánh bạc.

Về điều luật áp dụng và hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1; Áp dụng thêm khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C; Áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1; Áp dụng thêm Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo được hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đều được trừ 9 ngày tạm giữ. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo Luyện Văn C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H và Nguyễn Văn T1 cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách và chấp hành án.

Giao bị cáo Bùi Tuấn A cho UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Ngô Xuân T cho UBND phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn H2 cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách và chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 bát sứ hình tròn màu trắng đường kính miệng bát 12cm; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 18cm; 04 quân vị hình tròn, một mặt màu trắng một mặt màu đỏ đều có đường kính 1,5cm và 03 tấm vải bạt một mặt màu trắng một mặt màu đỏ đều có kích thước (4,4 x 2,6)cm.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 34.180.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 150.000.000 đồng, Nguyễn Văn C số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 số tiền 630.000 đồng; Nguyễn Văn D số tiền 14.000.000 đồng; anh Luyện Văn Tùng số tiền 9.300.000 đồng; anh Kiều Văn H số tiền 3.000.000 đồng; anh Luyện Văn Đ2 số tiền 300.000 đồng; anh Luyện Văn T số tiền 385.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào buổi trưa và chiều ngày 12/01/2020, Nguyễn Văn T1 đã sử dụng nhà của mình ở thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, cho Ngô Xuân T, Nguyễn Văn C, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Luyện Văn C, Bùi Tuấn A, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H, Đặng Xuân T4 và Nguyễn Văn D đánh bạc được thua bằng tiền bao gồm: Nhóm hội chơi chắn có: Luyện Văn T2, Phạm Văn M, Vũ Văn H, Đặng Xuân T4 và Nguyễn Văn D với số tiền đánh bạc là 4.450.000 đồng. Nhóm hội chơi đánh xóc đĩa có: Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H, Bùi Tuấn A và một số đối tượng khác, số tiền Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H và Tuấn Anh sử dụng để xóc đĩa là 6.600.000 đồng nhưng sau đó Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H, Bùi Tuấn A chuyển sang đánh bạc cùng với những người đang chơi liêng là Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn H, Lê Văn H2, Ngô Xuân T, tổng số tiền các đối tượng sử dụng chơi đánh liêng là 29.730.000 đồng. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nên các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, đa phần các bị cáo là người thực hành, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy phải áp dụng hình phạt tương xứng với tích chất, mức độ của hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Trong vụ án này, các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T là người trực tiếp tham gia đánh bạc với vai trò tích cực và thuộc nhóm sử dụng số tiền nhiều nhất vào việc đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án; các bị cáo

Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C mặc dù là người trực tiếp tham gia đánh bạc ngay từ đầu với vai trò tích cực, tuy nhiên thuộc nhóm sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn, các bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin được cải tạo tại địa phương có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương nơi cư trú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên các bị cáo H1, H và Nguyễn Văn C chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A và Ngô Xuân T. Bị cáo Lê Văn H2 tham gia với vai trò ít tích cực hơn ngừng chơi giữa chừng, số tiền tham gia đánh bạc ít nhất, bị cáo Nguyễn Văn T1 không trực tiếp tham gia đánh bạc mà sử dụng nhà ở của mình cho người khác đánh bạc nên chỉ đồng phạm với vai trò người giúp sức.

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Luyện Văn C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 có bố, mẹ được tặng thưởng huân huy chương, bị cáo Nguyễn Đức H là người thờ cúng chú ruột là liệt sĩ có Quyết định của Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Hưng Yên; các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2, Nguyễn Văn T1 đều có đơn xin trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin được cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên các bị cáo đều được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, ấn định thời gian thử thách giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo. Các bị cáo H2, T1 không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều nghề nghiệp tự do, có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 bát sứ hình tròn màu trắng đường kính miệng bát 12cm; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 18cm; 04 quân vị hình tròn, một mặt màu trắng một mặt màu đỏ đều có đường kính 1,5cm và 03 tấm vải bạt một mặt màu trắng một mặt màu đỏ đều có kích thước (4,4 x 2,6)cm đều là dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tiến hành tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 213.795.000 đồng, quá trình điều tra xác định số tiền 34.180.000 đồng là tiền các bị cáo và các đối tượng sử dụng chơi đánh liêng và đánh chắn nên cần tịch thu nộp

ngân sách nhà nước; Còn lại số tiền 179.615.000 đồng là tiền không liên quan đến tội phạm, trong đó có 150.000.000 đồng của Lê Văn Đ; 2.000.000 đồng của Nguyễn Văn C; 630.000 đồng của Nguyễn Văn T1; 14.000.000 đồng của Nguyễn Văn D; 9.300.000 đồng của anh Nguyễn Văn T3; 3.000.000 đồng của anh Kiều Văn Hải; 385.000 đồng của anh Luyện Văn T; 300.000 đồng của anh Luyện Văn Đ2 cần trả lại cho những người trên.

[5]Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Đánh bạc*”

2. Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 – Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1; Áp dụng các khoản 1,2 Điều 65 - Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C; Bị cáo Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 được áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự;

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Luyện Văn C 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

- Xử phạt Lê Văn Đ 01(một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

- Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn A 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo A cho UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Ngô Xuân T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H1 cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày tạm giữ 09 ngày (từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020), quy đổi $03 \times 9 = 27$ ngày. Lê Văn H2 còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H2.

Giao bị cáo H2 cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ được khấu trừ đi số ngày tạm giữ 09 ngày (từ ngày 12/01/2020 đến 21/01/2020), quy đổi $03 \times 9 = 27$ ngày. Nguyễn Văn T1 còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T1.

Giao bị cáo T1 cho UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng : Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 34.180.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho Luyện Văn Đ2 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Nguyễn Văn C số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).
- Trả lại cho Nguyễn Văn D số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).
- Trả lại cho Lê Văn Đ số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).
- Trả lại cho Luyện Văn T số tiền 385.000 đồng (*Ba trăm tám mươi năm nghìn đồng*).
- Trả lại cho Kiều Văn H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).
- Trả lại cho Nguyễn Văn T3 số tiền 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*).
- Trả lại cho Nguyễn Văn T1 số tiền 630.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài, 01 đĩa xù hình tròn, đường kính 18cm; 01 bát sứ hình tròn màu trắng, đường kính miệng bát 12 cm, 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 18 cm và 04 quân vị hình tròn, một mặt trắng, một mặt đỏ, đều có đường kính 1,5 cm; 03 tấm vải bạt, một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ đều có kích thước 4,4x2,6m là của gia đình Nguyễn Văn T1.

Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS-YM ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án đối với các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Luyện Văn C, Lê Văn Đ, Bùi Tuấn A, Ngô Xuân T, Lê Văn H, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn C, Lê Văn H2 và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên.
- VKSND huyện Y.
- Công an huyện Y.
- UBND xã N.
- UBND xã L.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.
- UBND phường V, TP. L, tỉnh Lạng Sơn.
- UBND phường Đ, TP. L, tỉnh Lạng Sơn
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Y.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Nhiên

